TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU** Bản án số: 129/2017/HNGĐ-ST Ngày: 06/12/2017 V/v tranh chấp: ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp về cấp dưỡng.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Dư Thanh Nguyễn

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Trịnh Hữu Hiệp

Ông Nguyễn Hải Hưng

- *Thư ký phiên tòa*: bà Dương Thị Lụa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 06 tháng 12 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 306/2017/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp về cấp dưỡng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 232/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Phan Hồng Đ, sinh năm 1977

Địa chỉ cư trú: ấp 10, xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bị đơn: anh Phạm Văn L, sinh năm 1970

Địa chỉ cư trú: ấp 10, xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 10 tháng 02 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phan Hồng Đ trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh L tự nguyện đi đến hôn nhân với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Phích, huyện U Minh. Vợ chồng chung sống với nhau đến tháng 7 năm 2016 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cự cãi, mặt dù cha mẹ hai bên có khuyên bảo, hòa giải nhưng không hàn gắn được, từ đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và gay

gắt, dẫn đến ly thân nhau. Chị Đ nhận thấy cuộc sống vợ chồng không mang lại hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: chị Đ và anh L có 02 người con chung tên Phạm Ngọc A, sinh ngày 15/9/2004 và Phạm Ngọc Phan A, sinh ngày 18/6/2008. Hiện các con đang sống chung với chị Đ, sau khi ly hôn chị Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi con, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

** Tại đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 02 tháng 11 năm 2017 bị đơn anh Phạm Văn L trình bày:*

Về hôn nhân: anh L đồng ý ly hôn với chị Đ.

Về con chung: Đồng ý giao 02 người con chung cho chị Đ nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: chị Phan Hồng Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con đối với anh Phạm Văn L, địa chỉ cư trú ấp 10, xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, theo khoản 1, khoản 5 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Anh Phạm Văn L có đơn xin vắng mặt nên xét xử vắng mặt anh L theo khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: chị Phan Hồng Đ và anh Phạm Văn L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, hôn nhân giữa chị Đ với anh L được công nhận và được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình chung sống giữa chị Đ và anh L phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên đã ly thân nhau, chị Đ và anh L cùng thống nhất ly hôn. Từ đó, cho thấy tình cảm giữa chị Đ và anh L không còn, đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho chị Đ và anh L ly hôn nhau.

[3] Về con chung: chị Đ yêu cầu được nuôi 2 người con chung, anh L cũng đồng ý giao 2 người con chung cho chị Đ nuôi dưỡng. Mặt khác cháu Ngọc A và cháu Phan A nguyện vọng được do chị Đ nuôi dưỡng nên ghi nhận nguyện vọng của các cháu. Do đó, giao cháu Ngọc A và cháu Phan A cho chị Đ nuôi dưỡng là đảm bảo cho các người con chung có điều kiện phát triển bình thường, ổn định về tâm lý và tình cảm. Anh L có quyền thăm nom con không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Đ yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi 2 người con chung là có căn cứ, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình

'cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con'. Mức cấp dưỡng mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Ngọc A và cháu Phan A đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không có.

[5] Về án phí hôn nhân và đình sơ thẩm chị Phan Hồng Đ phải chịu 300.000 đồng. Chị Đ đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng được đối trừ chuyển thu. Anh Phạm Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quyết định của Tòa án nên anh L phải chịu án phí với số tiền là 300.000 đồng. Theo quy định tại điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 220; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 ; Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm a, khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Phan Hồng Đ và anh Phạm Văn L.

[2] Về con chung: giao cháu Phạm Ngọc A, sinh ngày 15/9/2004 và Phạm Ngọc Phan A, sinh ngày 18/6/2008 cho chị Phan Hồng Đ nuôi dưỡng. Hiện cháu Ngọc A và cháu Phan A đang do chị Đảo nuôi dưỡng, chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Phạm Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: buộc anh Phạm Văn L cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Ngọc A, sinh ngày 15/9/2004 và Phạm Ngọc Phan A, sinh ngày 18/6/2008, mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Ngọc A và cháu Phan A đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày 06 tháng 12 năm 2017.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: không có.

[4] Về án phí: chị Phan Hồng Đ phải chịu 300.000 đồng, ngày 02/11/2017 chị Đ đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011661 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, được đối trừ chuyển thu.

Anh Phạm Văn L phải chịu án phí với số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Án xử sơ thẩm các đương sự mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dư Thanh Nguyễn

Nơi nhận:
- Phòng GĐ-KT TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Chi cục thi hành án huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- UBND xã Nguyễn Phích (1b)
- Các đương sự (mỗi đ/s1b);
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

Dư Thanh Nguyễn

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dư Thanh Nguyễn

Nơi nhận:
- *Phòng GĐ-KT TAND tỉnh Cà Mau (1b);*
- *VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);*
- *Chi cục thi hành án huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);*
- *Các đương sự (mỗi đ/s1b);*
- *Lưu hồ sơ, văn thư (1b).*

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA